

Bài tập tuần 1

SV cho biết cách gọi thực thi của hàm Max (ví dụ 1) và hàm F (ví dụ 2) dưới đây:

Tái định nghĩa hàm

❖ Ví dụ 1:

```
int    Max (int a, int b)
{ return (a>b) ? a : b; }
float  Max (float a, float b)
{ return (a>b) ? a : b; }
SinhVien  Max (SinhVien a, SinhVien b)
{return  (a.diemtb > b.diemtb) ? a : b; }
void main() {
    int    x1=1, y1=2;
    float  x2=3, y2=4;
    long   x3=5, y3=6;
    cout << Max(x1,y1)<<"\t"<<Max(x2,y2)<<endl;
    cout << Max(x3,y1) <<endl;
    cout << Max(x3,y2) <<endl;
    cout << Max(x3,y3) <<endl;
}
```

Lập trình hướng đối tượng

1

Tái định nghĩa hàm

❖ Ví dụ 2:

```
int    F (int a=0, int b=1)
{ ... }
float  F (float a=5, float b=9)
{ ... }
void main() {
    int    x1=1, y1=2;
    float  x2=3, y2=4;
    long   x3=5, y3=6;
    cout << F(x1)<<"\t"<<F(y2)<<endl;
    cout << F(x3) << F() << endl;
}
```

Lập trình hướng đối tượng

34